

Số: 114/2024/QĐST-HNGĐ

Pleiku, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Cao Văn T**. Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.**

2. Chị **Nguyễn Thị Đ**. Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: **Tổ F, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh **Cao Văn T** và chị **Nguyễn Thị Đ** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa** ngày 03/10/2018.

Nay anh **T** và chị **Đ** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh **T** và chị **Đ** không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa. Vì những nguyên nhân đó anh **Cao Văn T** và chị **Nguyễn Thị Đ** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh **Cao Văn T** và chị **Nguyễn Thị Đ** có 02 con chung là **Cao Nguyễn Khánh A**, sinh năm 01/2/2019 và **Cao Ngọc Bảo C**, sinh năm 01/12/2021. Ly hôn anh **T** và chị **Đ** thỏa thuận giao con chung là **Cao Nguyễn Khánh A**, sinh năm 01/2/2019 và **Cao Ngọc Bảo C**, sinh năm 01/12/2021 cho chị **Nguyễn Thị Đ** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và tự lập được.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận anh Cao Văn T cấp dưỡng nuôi hai con là Cao Nguyễn Khánh A, sinh năm 01/2/2019 và Cao Ngọc Bảo C, sinh năm 01/12/2021 một tháng 2.000.000 đồng/2 con, mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con thành niên và tự lập được, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2024 .

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đào t thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ có 02 con chung là Cao Nguyễn Khánh A, sinh năm 01/2/2019 và Cao Ngọc Bảo C, sinh năm 01/12/2021. Ly hôn anh T và chị Đ thỏa thuận giao con chung là Cao Nguyễn Khánh A, sinh năm 01/2/2019 và Cao Ngọc Bảo C, sinh năm 01/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận anh Cao Văn T cấp dưỡng nuôi hai con là Cao Nguyễn Khánh A, sinh năm 01/2/2019 và Cao Ngọc Bảo C, sinh năm 01/12/2021 một tháng 2.000.000 đồng/2 con, mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con thành niên và tự lập được, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2024 .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: anh Cao Văn T và chị Nguyễn Thị Đ mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào

tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001424 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh **Cao Văn T** và chị **Nguyễn Thị Đ** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (ngày KH 03-10-2018; Số: 45).
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tố Uyên